**Phòng GD&ĐT Đông Triều**

 **Trường THCS Hưng Đạo**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I- MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 9**

**Năm học 2024-2025**

**I. TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1**. Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?

A. Cây lương thực B. Cây ăn quả. C. Cây công nghiệp D. Cây rau đậu.

**Câu 2.** Công nghiệp nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Cơ cấu ngành đa dạng. B. Phân bố rất đồng đều. C. Sử dụng công nghệ ít. D. Cơ sở hạ tầng yếu kém..

**Câu 3.** Nhân tố kinh tế - xã hội tác động đến ngành công nghiệp của nước ta không phải là

A. Chính sách, thị trường. B. Dân cư và lao động. C. Cơ sở hạ tầng, vật chất. D. Tài nguyên khoáng sản.

**Câu 4.** Vùng trồng cây ăn quả lớn nhất ở nước ta là

A. Trung du và miền núi Bắc B. Đồng bằng sông Cửu Long. C. Đồng bằng sông Hồng. D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 5**. Hai khu vực có mức độ tập trung công nghiệp cao ở nước ta là

A. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.D. Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 6**. Nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất đang hoạt động ở nước ta hiện nay là

A. Thác Bà. B. Trị An. C. Hòa Bình. D. Sơn La.

**Câu 7.** Trắc nghiệm đúng sai.

*Học sinh chọn ý đúng hoặc sai.mỗi ý a), b), c), d).*

Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2009 – 2023

 *(Đơn vị: %)*

|  |  |
| --- | --- |
| Năm | Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi |
| Từ 0 – 14 tuổi | Từ 15 – 64 tuổi | Từ 65 tuổi trở lên |
| 2009 | 24,5 | 69,1 | 6,4 |
| 2019 | 24,3 | 68,0 | 7,7 |
| 2021 | 24,1 | 67,6 | 8,3 |
| 2023 | 23,9 | 62,2 | 13,9 |

 *(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023)*

a) Nhóm tuổi từ 0-14 tuổi tăng liên tục, nhóm tuổi từ 15-64 tuổi tăng và nhóm tuổi trên 65 tăng nhanh.

b) Nhóm tuổi từ 65 tuổi trở lên tăng liên tục, nhóm tuổi từ 0-14 tuổi và nhóm tuổi trên 65 tăng đều giảm

liên tục.

c) Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu dân số theo nhóm tuổi nước ta, giai đoạn 2009 – 2023 là

biểu đồ miền.

d) Tỉ lệ trung bình dân số trong độ tuổi lao động nước ta giai đoạn 2009 – 2023 là 66,7%.

**Câu 8.** Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  NămTiêu chí | 2010 | 2015 | 2020 | 2021 |
| Diện tích gieo trồng (triệu ha) | 7,5 | 7,8 | 7,3 | 7,2 |
| Sản lượng (triệu tấn) | 40,0 | 45,1 | 42,7 | 43,9 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, 2022)*

a. Sản lượng lúa tăng, diện tích gieo trồng lúa giảm liên tục.

b. Năm 2021 so với năm 2010, sản lượng lúa tăng thêm 3,9 triệu tấn.

c. Năng suất lúa năm 2021 cao nhất.

d. Năng suất lúa năm 2020 thấp hơn năm 2015.

**Câu 9.** Sản lượng diện và cơ cấu sản lượng điện của nước ta giai đoạn 2010 – 2021

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  Năm Tiêu chí | 2010 | 2015 | 2021 |
| Sản lượng điện ( tỉ KW ) | 91,7 | 157,9 | 244,9 |
| Cơ cấu sản lượng điện ( % ) |
| Thuỷ điện | 38,0 | 34,2 | 30,6 |
| Nhiệt điện | 56,0 | 63,8 | 56,2 |
| Các nguồn khác | 6,0 | 2,0 | 13,2 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2010, năm 2022,Tập đoàn Điện lực Việt Nam năm 2022)*

a. Sản lượng điện tăng liên tục qua các năm.

b. Cơ cấu sản lượng điện tương đối đồng đều giữa các nguồn năng lượng,

c. Nhiệt điện đóng vai trò quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu sản lượng điện.

d. Nguồn thủy năng dồi dào là nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng điện tăng nhanh.

Em hãy ghi kết quả vào giấy kiêm tra cho các câu trả lời ngắn sau (Mỗi câu 0,25 điểm)

**Câu 10.** Cho bảng số liệu sau: Diện tích trồng cây ăn quả của Việt Nam giai đoạn 2010-2021

 *(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2020 | 2021 |
| Diện tích | 779,7 | 824,4 | 1135,2 | 1171,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011,2016,2021,2022)*

Cho biết diện tích cây ăn quả năm 2021 gấp bao nhiêu lần năm 2010? (Làm tròn đến hàng phần mười).

**Câu 11.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG KHAI THÁC THAN CỦA CẢ NƯỚC QUA CÁC NĂM

 *(Đơn vị: triệu tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2020 |
| Sản lượng khai thác than | 44,8 | 41,7 | 44,6 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011,2016,2021)*

Tốc độ tăng trưởng Sản lượng khai thác than của nước ta năm 2020 là bao nhiêu? (Làm tròn đến hàng đơn vị).

**Câu 12.** Cho bảng số liệu sau: Hiện trạng sử dụng đất cả nước tính đến 31/12/2021

 *(Đơn vị: nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng diện tích | Đất sản xuấtnông nghiêp | Đất lâmnghiêp | Đất chuyêndùng | Đất ở | Đất khác |
| 33134,6 | 11620,5 | 15439,7 | 2024,7 | 759,5 | 3290,2 |

 *(Nguồn: gso.gov.vn*)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tỉ lệ diện tích đất lâm nghiệp trong tổng diện tích đất là bao nhiêu %? (Làm tròn số đến hàng phần mười).

**Câu 13.** Cho biết ở nước ta năm 2021, GDP đạt 8 487,5 nghìn tỷ đồng, GDP của nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản là 1 069,7 nghìn tỷ đồng. Tính tỉ trọng GDP của khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của nước ta năm 2021 (đơn vị tính: %, làm tròn kết quả đến hàng phần mười).

**II. TỰ LUẬN**

**Câu 1**. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy:

Trình bày đặc điểm phân bố nguồn lợi thủy sản ở nước ta.

Giải thích tại sao cần phát triển công nghiệp xanh ở địa phương em?

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

TỈ SỐ GIỚI TÍNH CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1999- 2021

 (Số nam /100 nữ)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1999 | 2009 | 2019 | 2021 |
| Số nam | 94,6 | 97,8 | 99,1 | 99,4 |

 *(Nguồn: Tổng cục Thống kê)*

 a. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện tỉ số giới tính của Việt Nam giai đoạn 1999- 2021.

 b. Nhận xét về tỉ số giới tính của Việt Nam giai đoạn 1999- 2021.

**Câu 3.** Phân tích thuận lợi và khó khăn của nhân tố khí hậu đối với sự phát triển nông nghiệp nước ta?

**Câu 4.** *Cho bảng số liệu sau:*

 TỔNG SỐ DÂN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1990-2021 *(Đơn vị: triệu người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 1990 | 2000 | 2015 | 2021 |
| Tổng số dân | 66,9 | 77,6 | 92,2 | 98,5 |

 *(Niên giám thống kê Việt Nam năm 2001, năm 2022)*

 Vẽ biểu đồ cột thể hiện dân số của nước ta giai đoạn 1990- 2021.

**Câu 5.** Giải thích được tại sao nước ta cần phát triển công nghiệp xanh?

**Câu 6.** Dựa vào bảng số liệu sau.

Tổng diện tích cây ăn quả ở nước ta giai đoạn 2010-2021

(Đơn vị: %)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2020 | 2021 |
| Diện tích cây ăn quả | 779,7 | 824,4 | 1135,2 | 1171,5 |

Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện diên tích cây ăn quả nước ta giai đoạn 2010-2021 và rút ra nhận xét.

**----HẾT---**